**SELECT**

SELECT [TOP(so sánh)] [DISTINCT(ko trùng lập)] column1, column2

FROM <TableName>

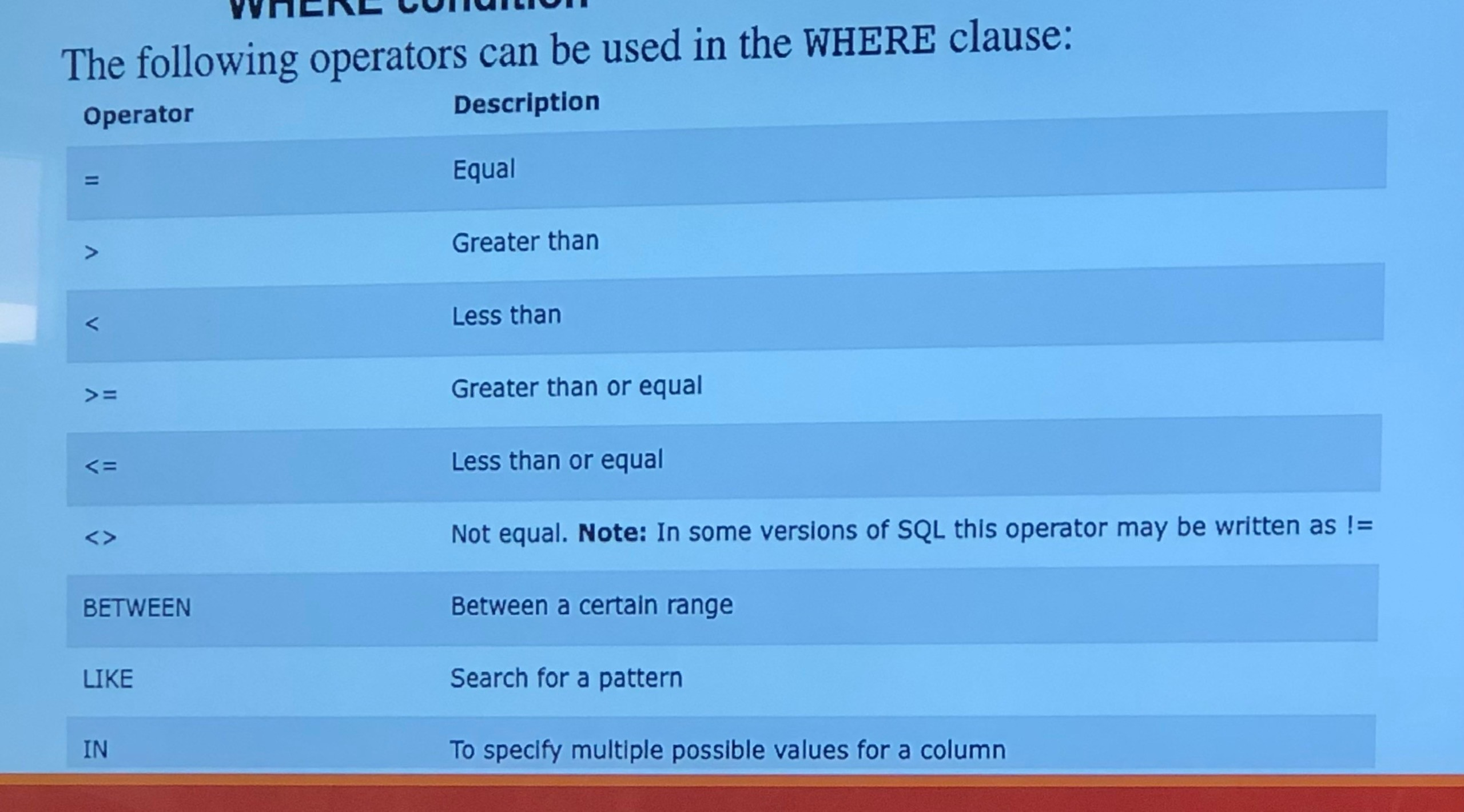
[WHERE condition] (điều kiện)

[GROUP BY column1, column2] (Nhóm )

[HAVING condition] (điều kiện nhóm)

[ORDER BY colum\_Name(s) asc(Nhỏ -> Lớn)|desc(Lớn -> nhỏ)] (Sắp xếp) (Ko ghi gì hết mặc định tăng dần)

Các toán tử trong WHERE



VD:

SELECT COUNTRY, COUNT(CUSTOMERID) NUMBEROFCUSTOMER

FROM CUSTOMERS

GROUP BY COUNTRY;

Hàm Group:

* Count(): đếm số
* Sum(): cộng
* Avg(): Trung bình
* Min(): Giá trị nhỏ nhất
* Max(): Giá trị lớn nhất

SELECT \* FROM Customer

Where City = ‘HCM’ AND Country = ‘Viet Nam’;

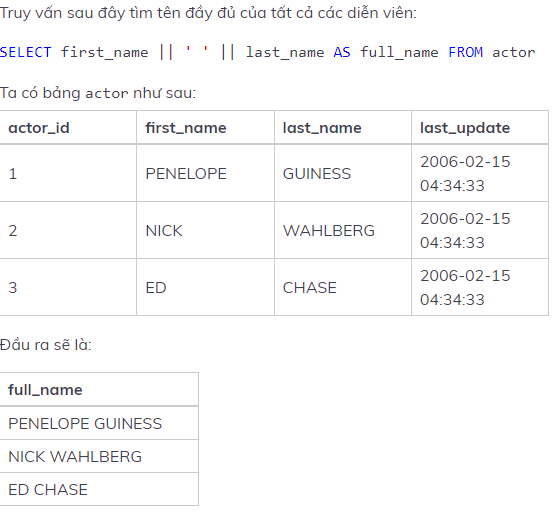
***Tên thay thế cho cột***

SELECT tên\_cột AS tên\_thay\_thế FROM bảng;

Hoặc

SELECT tên\_cột tên\_thay\_thế FROM bảng;

VD:



##### *****Tên thay thế cho bảng*****

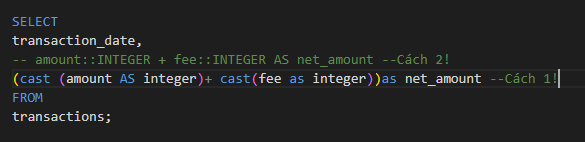
Sau đây minh họa cú pháp của tên thay thế của bảng:

SELECT danh\_sách\_cột FROM tên\_bảng AS tên\_thay\_thế;

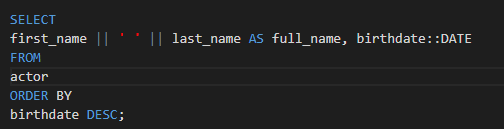
Hoặc

SELECT danh\_sách\_cột FROM tên\_bảng tên\_thay\_thế;

***Chuyển đổi một giá trị của một loại dữ liệu thành một loại dữ liệu khác***



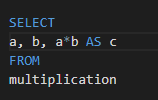
VD kết hợp 2 cái trên:



Toán tử:

NOTE: Nếu một toán hạng của bất kỳ toán tử nào là NULL, thì kết quả thường là NULL.

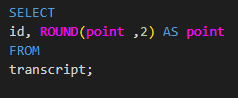
VD:



ROUND: làm tròn một giá trị số thành số nguyên gần nhất hoặc một số có số vị trí thập phân

ROUND (source [ , n ] )

VD:



VD:

